

Số: 09/2021/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1717/TTr-SXD ngày 20/8/2021 về việc ban hành Quyết định phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về việc phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Những nội dung liên quan đến công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh, cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện; chủ đầu tư xây dựng công trình; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điều 58, Điều 83a Luật Xây dựng năm 2014 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*) và Điều 13, Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng đối với dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và thuộc danh mục quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

Phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 123 Luật Xây dựng năm 2014 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*) và Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây

dựng và bảo trì công trình xây dựng đối với các công trình thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và thuộc danh mục quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đã được phân cấp tại Điều 2, Điều 3 Quyết định này.

b) Tổng hợp, xây dựng báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Xây dựng theo định kỳ, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu về tình hình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định.

2. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo nội dung đã phân cấp tại Điều 2, Điều 3 Quyết định này đối với công trình thuộc chuyên ngành quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại Điều 2, Điều 3 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đúng nội dung được phân cấp.

4. Trách nhiệm của cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp. Khi thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và thông báo kết quả

kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng gửi chủ đầu tư, đồng thời phải gửi văn bản cho Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp, theo dõi.

b) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ; sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

c) Báo cáo theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về tình hình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng gửi Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (Đề tự kiểm tra và đăng tải CSDL);
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài PT&TH tỉnh;
- Như Điều 5; (thi hành)
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QHĐTXD (TL).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Báo cáo)

Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC
DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN PHÂN CẤP THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI,
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ VÀ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Loại công trình	Tiêu chí phân cấp		Nguồn vốn sử dụng	
		Cấp công trình	Quy mô, mức độ quan trọng, thông số kỹ thuật của công trình	Vốn đầu tư công	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công
I	Công trình dân dụng				
1.1	Nhà trẻ, trường mẫu giáo	Cấp III	Số tầng < 2	x	x
1.2	Trường tiểu học, trung học cơ sở	Cấp III	Số tầng < 2	x	x
1.3	Chợ	Cấp III, cấp IV	Số tầng < 2	x	
1.4	Nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố	Cấp III	Số tầng < 2	x	x
1.5	Bể bơi, sân thể thao ngoài trời	Cấp IV	Hoạt động thể thao phong trào	x	
1.6	Công trình nhà, kết cấu dạng nhà	Cấp IV	Mọi quy mô	x	
		Cấp III <i>(xét theo tất cả các tiêu chí)</i>	- Số tầng: < 2 tầng (không có tầng hầm); - Tổng chiều cao tính từ cao độ mặt đất tới điểm cao nhất của nhà, công trình, kết cấu: < 8 m;	x	x

			- Tổng diện tích sàn: < 2.000 m ² ; - Chiều dài nhịp kết cấu lớn nhất: < 25 m		
1.7	Công trình kết cấu nhịp lớn dạng khung	Cấp IV		x	
1.8	Công trình chỉ thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên	Từ cấp II trở xuống		x	
1.9	Công trình có kết cấu quy mô nhỏ, lẻ khác	Cấp IV		x	
II	Công trình công nghiệp				
2.1	Đường dây, trạm biến áp	Cấp IV	Cấp điện áp ≤ 35KV	x	
2.2	Công trình công nghiệp nhẹ	Cấp III, cấp IV		x	
III	Công trình hạ tầng kỹ thuật				
3.1	Nhà để xe ô tô nổi	Cấp IV	Số chỗ để xe ô tô: < 100 xe	x	
3.2	Sân bãi để xe, máy móc, thiết bị (không có mái che)	Cấp IV	Tổng diện tích: ≤ 2,5 ha	x	
3.3	Nghĩa trang	Cấp IV	Diện tích: < 10 ha	x	
3.5	Công viên cây xanh	Cấp IV	Diện tích: < 5 ha	x	
3.6	Tuyến ống cấp nước	Cấp IV	Đường kính trong của ống < 150 mm hoặc diện tích mặt cắt ngang bên trong ống < 0,02 m ²	x	

3.7	Tuyến cống thoát nước mưa, cống chung	Cấp IV	Đường kính trong của ống <600 mm hoặc diện tích mặt cắt ngang bên trong ống <0,28 m ²	x	
3.8	Tuyến cống thoát nước thải	Cấp IV	Đường kính trong của ống <200 mm hoặc diện tích mặt cắt ngang bên trong ống <0,03 m ²	x	
3.9	Hào kỹ thuật, cống cấp	Cấp IV	Bề rộng thông thủy $\leq 0,7$ m	x	
3.10	Trạm trung chuyển chất thải rắn thông thường	Cấp IV	Tổng công suất < 100 tấn/ngày đêm	x	
3.11	Kết cấu dạng cột, trụ, tháp trong công trình hạ tầng kỹ thuật (Cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình; cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng...)	Cấp IV	Có chiều cao ≤ 45 m	x	
IV	Công trình giao thông				
4.1	Đường ô tô	Cấp IV	Tốc độ thiết kế < 40 km/h hoặc lưu lượng < 0,5 nghìn xe quy đổi/ngày đêm	x	
4.2	Đường trong đô thị (Đường phố gom, đường phố nội bộ theo tiêu chuẩn TCXDVN 104:2007)	Cấp IV <i>(xét theo tất cả các tiêu chí)</i>	- Số làn xe < 02 - Vận tốc thiết kế < 40 km/h	x	
4.3	Đường giao thông nông thôn	Cấp IV	Mọi quy mô	x	
4.4	Nút giao thông	Cấp III	Lưu lượng < 3 nghìn xe quy đổi/ngày đêm	x	x

4.5	Cầu phao	Cấp IV	Lưu lượng xe quy đổi < 700 xe/ngày đêm	x	
4.6	Cầu đường bộ	Cấp IV <i>(xét theo tất cả các tiêu chí)</i>	- Nhịp kết cầu lớn nhất ≤ 25 m; - Chiều cao trụ cầu < 6 m.	x	
4.7	Cầu vượt dành cho người đi bộ, xe đạp; Cầu treo dân sinh (dành cho người đi bộ, gia súc, xe đạp, xe mô tô/gắn máy và xe thông sơ khác; cầu dây võng, một nhịp, nằm trên đường giao thông nông thôn và khổ cầu không lớn hơn 3,5m)	Cấp IV <i>(xét theo tất cả các tiêu chí)</i>	- Nhịp kết cầu lớn nhất < 25 m; - Chiều cao trụ cầu hoặc độ cao từ đáy kết cấu dầm cầu tới mặt đất/nước bên dưới < 15 m.	x	
4.8	Cảng, bến hàng hóa, bến hành khách, cầu cảng đường thủy nội địa	Cấp IV <i>(xét theo tất cả các tiêu chí)</i>	- Chiều cao bến hoặc độ sâu mực nước < 3 m; - Diện tích mặt bến < 1.000 m ² .	x	
4.9	Công trình chỉ thực hiện công tác bảo trì, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên	Từ cấp II trở xuống		x	
V	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, trừ công trình đê điều	Cấp IV		x	